

Ngày	7,890 VNĐ		
31/03/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.4%	12.1%	-1.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	4,983 - 10,750
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,230
Số lượng CPLH (CP)	282,680,804
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,177,465
Sở hữu nước ngoài	0.4%
Beta	1.53
EPS	230
P/E	34.4

DT thuần

Q1/24

241

tỷ VNĐ

QoQ: ▼385| -61.6%

YoY: ▼73.0| -23.4%

LN trước thuế

Q1/24

40.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 18.6| 85.3%

YoY: ▼46.8| -53.7%

LN sau thuế

Q1/24

30.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 13.3| 78.4%

YoY: ▼38.7| -56.1%

ROA

2023

1.3%

+/- YoY: ▼ 2.6%

DT thuần

2023

1,784

tỷ VNĐ

YoY: ▼1,161| -39.4%

LN trước thuế

2023

224

tỷ VNĐ

YoY: ▼181| -44.8%

LN sau thuế

2023

175

tỷ VNĐ

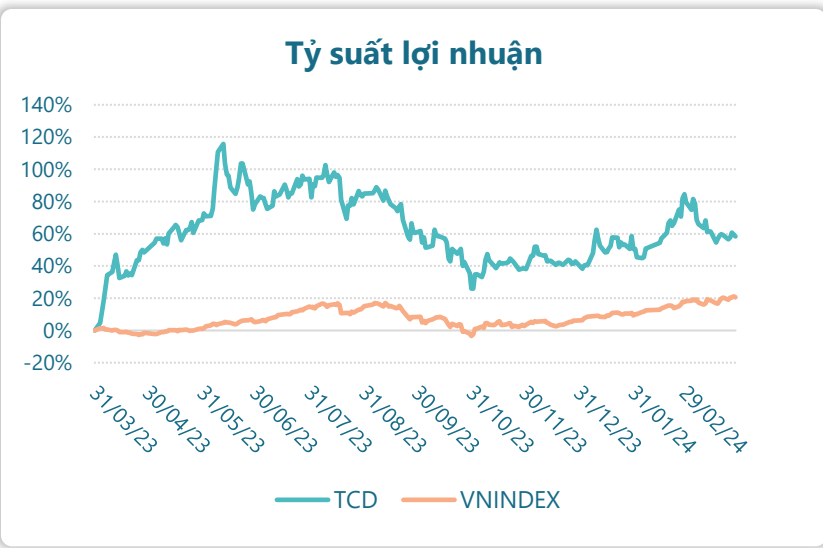
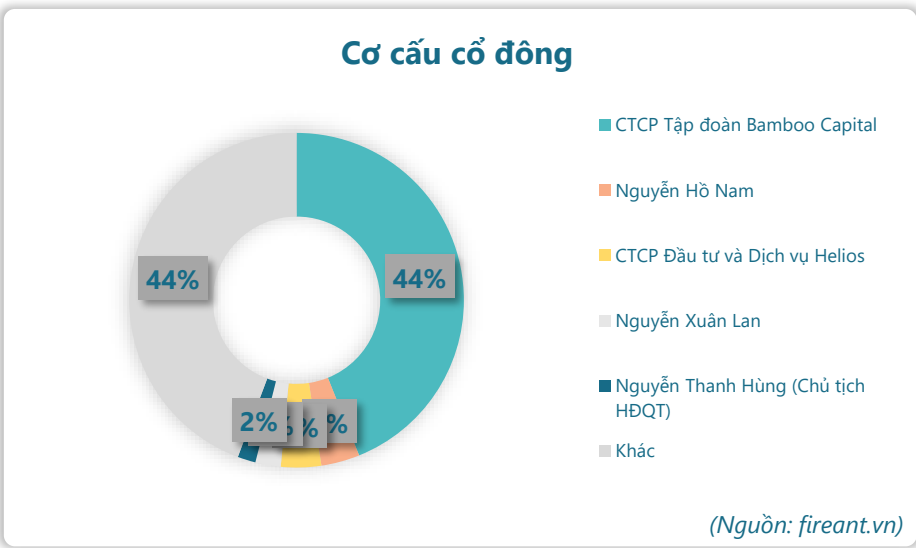
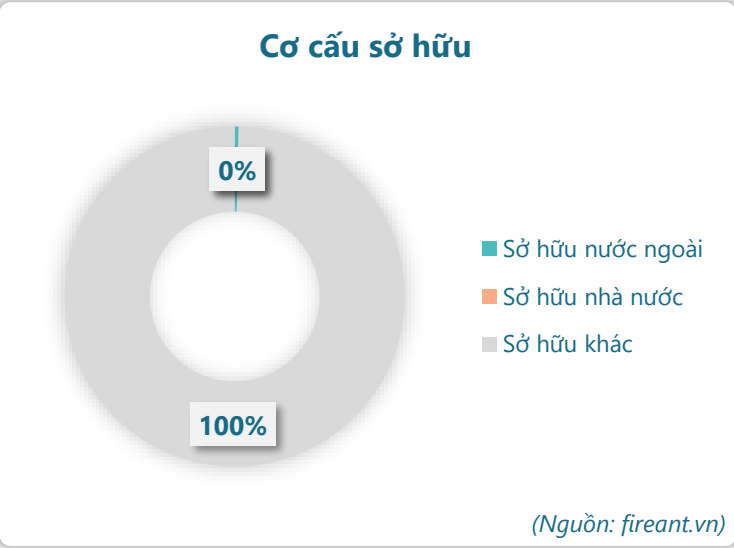
YoY: ▼159| -47.5%

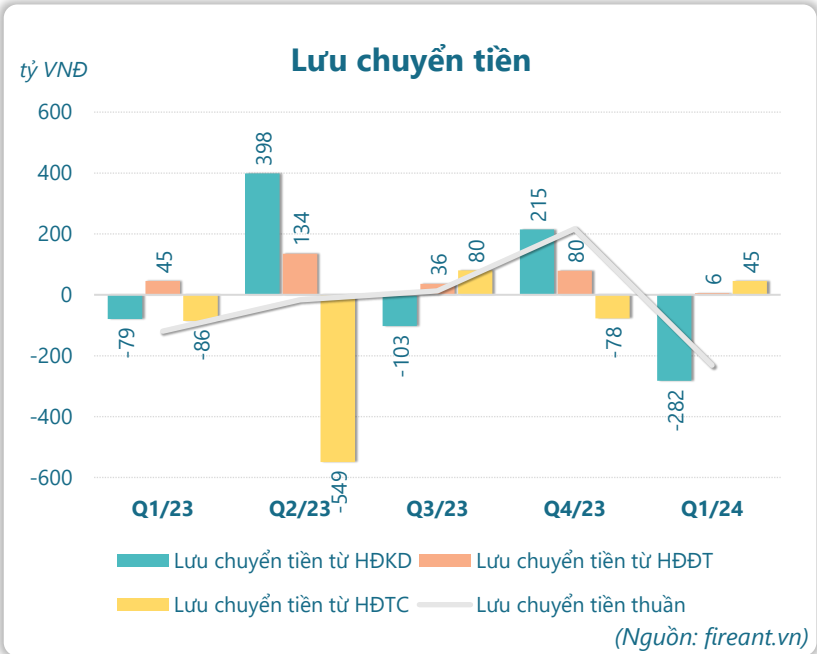
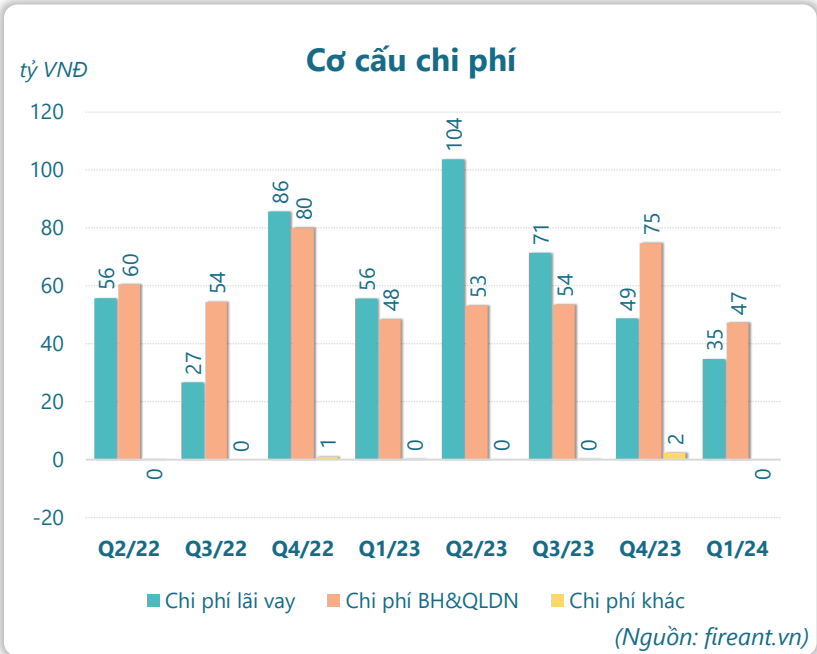
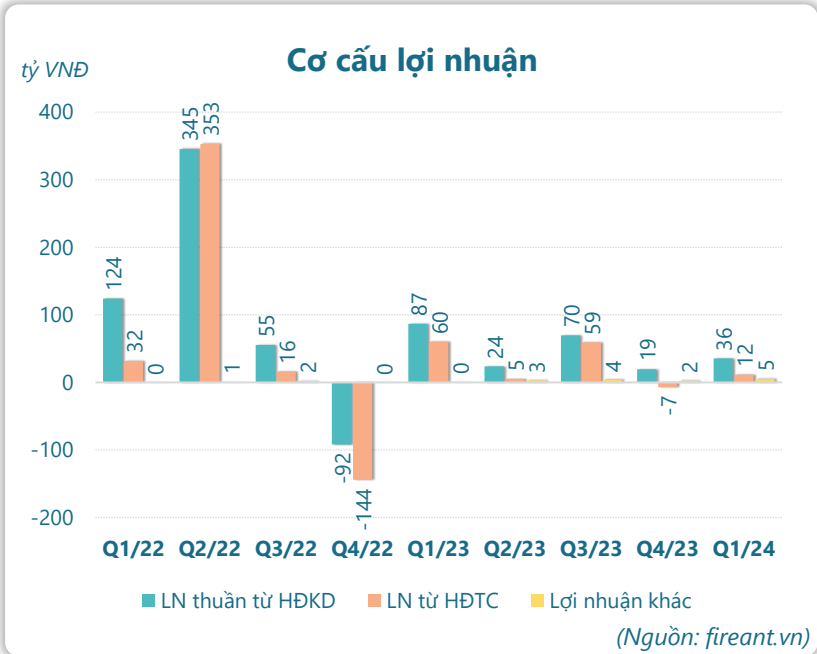
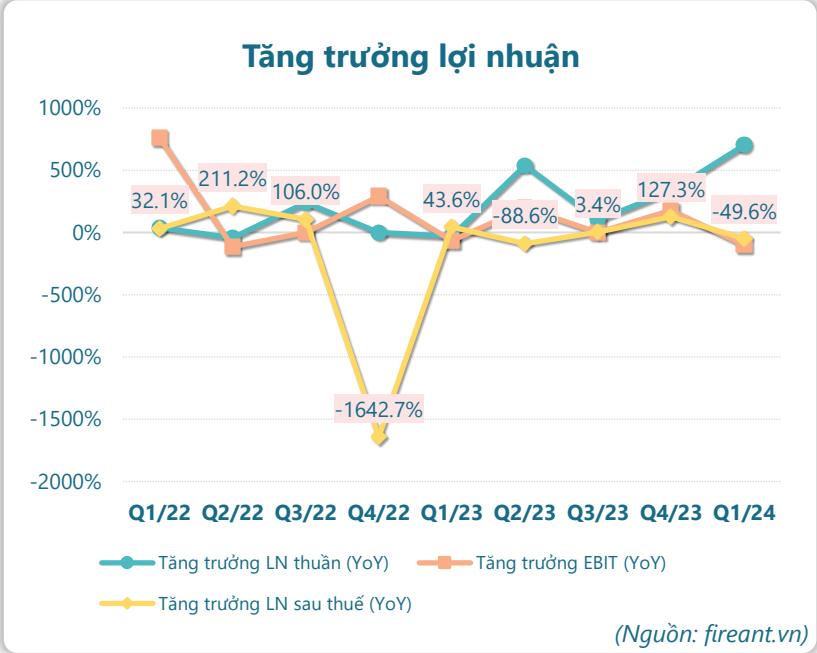
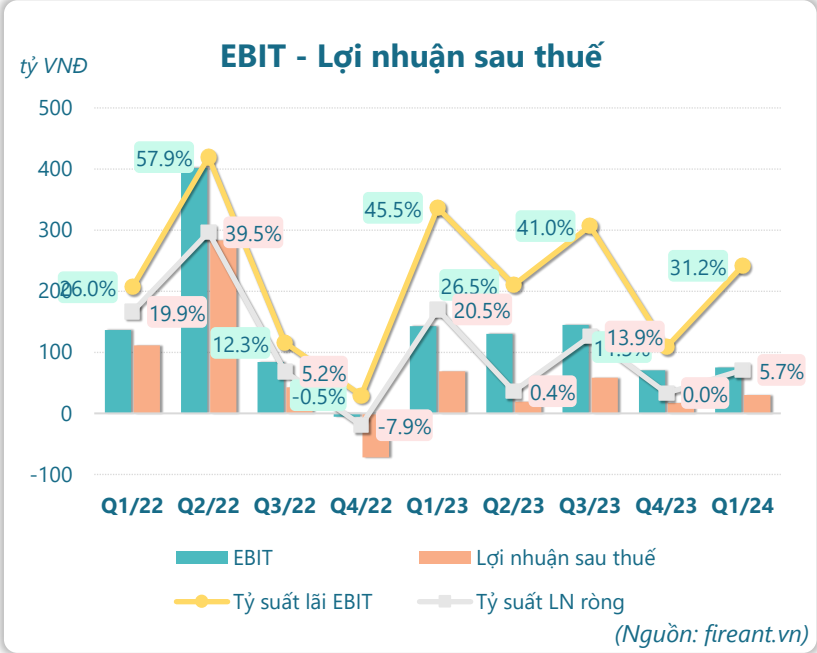
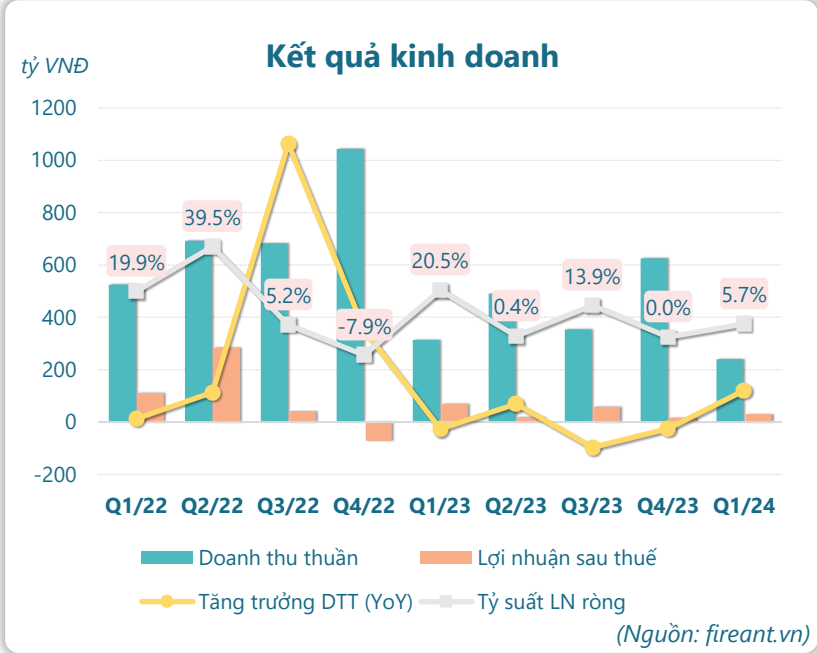
ROE

2023

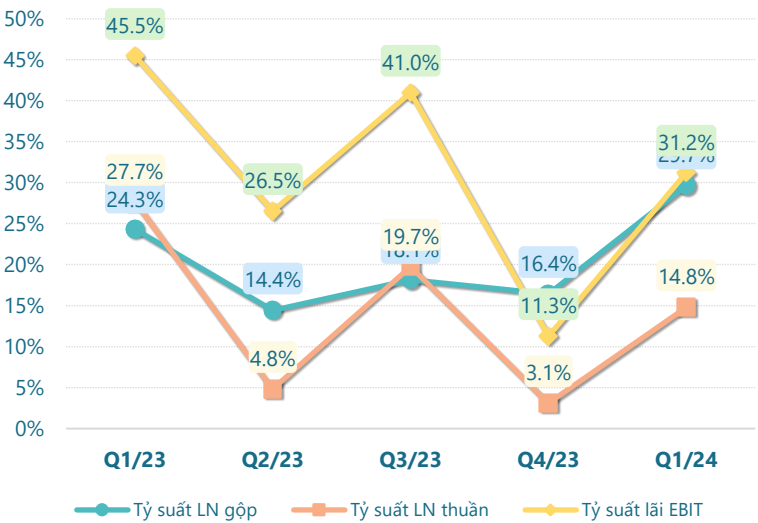
3.3%

+/- YoY: ▼ 9.0%

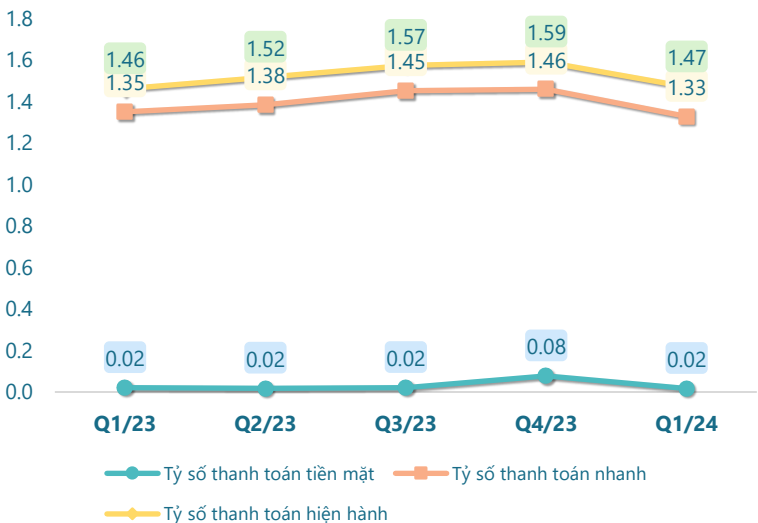




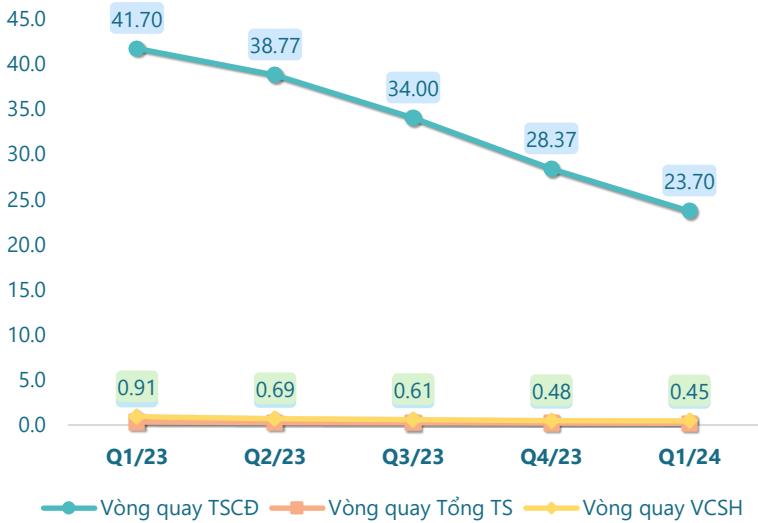
Tỷ suất lợi nhuận



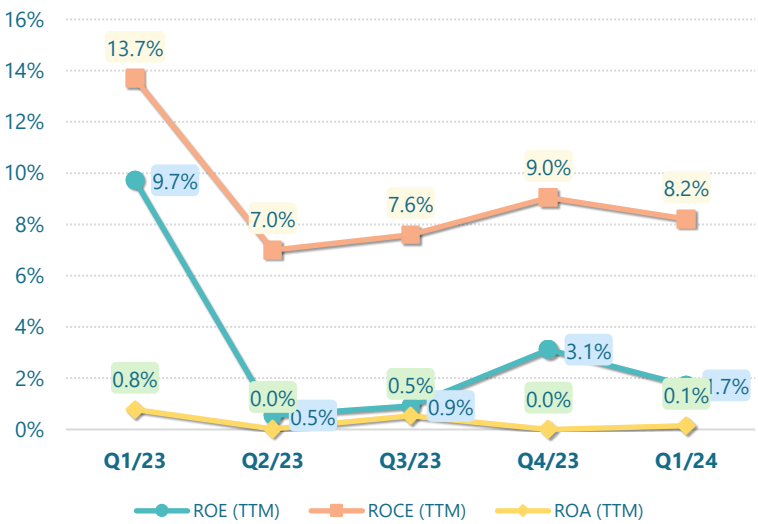
Chỉ số thanh khoản



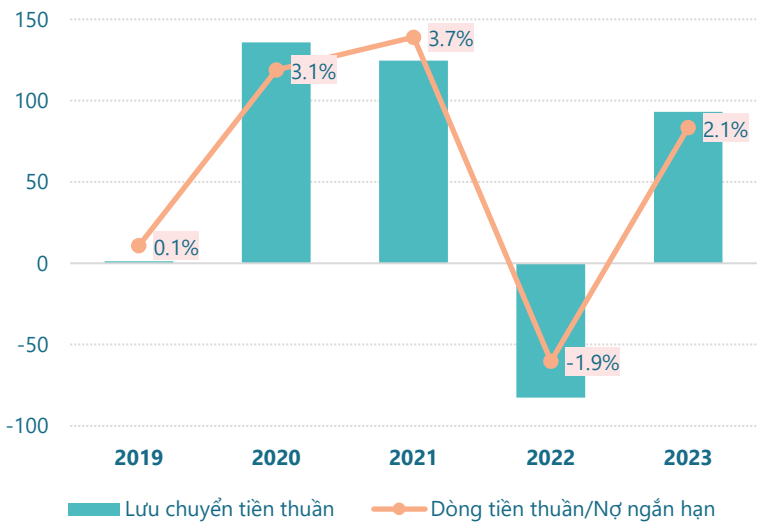
Vòng quay tài sản



Tỷ suất sinh lợi



Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



Nhóm chỉ số định giá

